

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DSST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2018/QĐXXST-DS ngày 26/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Lưu Thị L, sinh năm: 1977, địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lưu Thị Kim N, sinh năm: 1980, địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà N ủy quyền cho bà Bà Lưu Thị L theo giấy ủy quyền ngày 30/7/2018.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lưu Thị L:* Ông Nguyễn Công T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Công T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Võ Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966, cùng địa chỉ cư trú: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà L, ông T có mặt, ông Đ, bà C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lưu Thị L (là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Lưu Thị Kim N) trình bày:

Do chỗ quen biết nên trong quá trình làm ăn thì bà Lưu Thị L và em gái là Lưu Thị Kim N cho vợ chồng ông Đ, bà C vay mượn tiền, quá trình vay mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 22/01/2014 âm lịch ông Đ, bà C mượn của bà L 35.000.000 đồng do bà C ký nhận.

- Ngày 04/02/2014 âm lịch ông Đ, bà C mượn của bà L 100.000.000 đồng do bà C ký nhận (nhưng sau đó bà C đã trả 50.000.000 đồng, việc trả tiền này không có ghi giấy tờ).

- Ngày 17/3/2014 âm lịch ông Đ, bà C mượn của bà L 100.000.000 đồng do bà C ký nhận.

- Ngày 22/12/2014 âm lịch ông Đ, bà C mượn của bà L 200.000.000 đồng do bà C ký nhận.

- Ngày 23/01/2014 âm lịch ông Đ, bà C mượn của bà L 100.000.000 đồng, con bà C là Võ Thị Thu T là người nhận tiền.

Tổng cộng ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C mượn của bà L 535.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Quá trình vay ông Đ bà C có trả 50.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi thì ông Đ bà C có trả vài tháng, nhưng số tiền trả lãi cụ thể bao nhiêu bà L không nhớ, khi trả lãi không ghi giấy tờ gì. Từ đó đến nay không trả tiền gốc và lãi nữa, tiền gốc còn nợ bà L là 485.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2017 âm lịch ông Đ bà C mượn của Lưu Thị Kim N 150.000.000 đồng, mấy ngày sau đó (không nhớ ngày cụ thể) mượn thêm của bà N 70.000.000 đồng. Tổng cộng là 220.000.000 đồng, do bà C ký nhận nợ, với thỏa thuận lãi suất là 500.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng. Quá trình vay ông Đ bà C có trả tiền lãi cho bà N được 5 tháng với số tiền cụ thể bao nhiêu không nhớ, khi trả lãi không ghi giấy tờ gì. Từ đó đến nay không trả lãi nữa, riêng tiền gốc thì chưa trả còn nợ là 220.000.000 đồng.

Mục đích vay mượn tiền là để ông Đ, bà C phục vụ cho việc làm ăn đi biển của gia đình ông Đ, bà C.

Ngày 02/02/2018 thì hai bên chốt nợ, ông Đ bà C cho rằng làm ăn gặp khó khăn và xin số tiền lãi còn lại, bà L và bà N đồng ý cho tiền lãi nên ông Đ bà C viết giấy hẹn nợ (ông Đ là người trực tiếp viết), có nội dung ông Đ bà C có nợ của bà Lưu Thị L số tiền 485.000.000 đồng và có nợ của bà Lưu Thị Kim N số tiền 220.000.000 đồng, hẹn đến tháng 3/2018 âm lịch ông Đ, bà C sẽ trả nợ. Tuy nhiên sau khi viết giấy nhận nợ thì ông Đ bà C né tránh không chịu trả nợ cho bà L và bà N.

Nay bà L, bà N yêu cầu ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C trả cho bà Lưu Thị L số tiền 485.000.000 đồng và trả cho bà Lưu Thị Kim N số tiền 220.000.000 đồng, bà L và bà N thống nhất cho ông Đ bà C tiền lãi, không yêu cầu trả tiền lãi.

- Về chứng cứ bà L và bà N đã nộp gồm có: 01 giấy hẹn nợ đề ngày 02/02/2018 ông Đ viết, ông Đ, bà C ký.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp ngày 27/9/2018 ông Võ Đ là bị đơn trình bày: Ông Đ đồng ý vợ chồng ông có vay và còn nợ tiền của bà Lưu Thị L và bà Lưu Thị Kim N, khi vay có thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau khi vay có trả lãi nhưng cụ thể số tiền trả lãi bao nhiêu thì không nhớ, khi trả không có ghi giấy tờ gì, riêng đối với tiền gốc thì do làm ăn khó khăn nên không trả tiền gốc được. Ngày 02/02/2018 hai bên chốt nợ, vợ chồng ông có ký giấy hẹn nợ (do ông Đ viết), xác nhận vợ chồng ông có nợ của Lưu Thị L số tiền

485.000.000 đồng và nợ của Lưu Thị Kim N số tiền 220.000.000 đồng và hẹn đến tháng 3/2018 âm lịch trả hết nợ nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả nợ được.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C không có văn bản trình bày.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lưu Thị L: Theo giấy hẹn nợ ông Đ, bà C đã ký ngày 02/02/2018 thì yêu cầu của bà Lưu Thị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị L, buộc ông Đ, bà C phải trả nợ cho bà Lưu Thị L số tiền 485.000.000 đồng. Về nợ lãi bà L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ, bà C.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp “*giấy hẹn nợ*” đề ngày 02/02/2018 có chữ viết, chữ ký người mượn tiền Võ Đ, Nguyễn Thị C thể hiện nội dung ông Đ, bà C mượn của bà Lưu Thị L số tiền 485.000.000 đồng và mượn của bà Lưu Thị Kim N số tiền 220.000.000 đồng. Tại văn bản trình bày ngày 27/9/2018 ông Võ Đ công nhận vợ chồng ông còn nợ bà L, bà N số tiền nợ gốc đúng như nội dung giấy hẹn nợ đề ngày 02/02/2018 do vợ chồng ông viết, ký. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L và bà N, buộc ông Đ, bà C phải trả số tiền gốc còn nợ cho bà L và bà N theo Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị C không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Do đó phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lưu Thị L là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà L và bà N tổng cộng là 34.400.000 đồng, trong đó số tiền án phí trên số tiền phải trả cho bà L là 23.400.000 đồng {(20.000.000 đ + 4% (485.000.000 đồng - 400.000.000 đồng) và số tiền án phí trên số tiền phải trả cho bà N là 11.000.000 đồng {(220.000.000 đồng x 5%}.

Hoàn trả lại cho bà L và bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, các điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân

sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị L và bà Lưu Thị Kim N. Buộc ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Lưu Thị L số tiền 485.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và buộc ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà Lưu Thị Kim N số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

2/ Ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 34.400.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*), trong đó số tiền án phí trên số tiền phải trả cho bà L là 23.400.000 đồng và số tiền án phí trên số tiền phải trả cho bà N là 11.000.000 đồng.

3/ Hoàn trả lại cho bà Lưu Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.700.000 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003489 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi và hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng (*Năm triệu, năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003490 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Võ Đ và bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tấn

Trịnh Thanh

Hoàng Thị Mai Hạnh

